

Bản án số: **290/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/6/2021

V/v: *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Đặng Thị Nhác

2. Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2021, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Thu Th1**, sinh năm 1976

Địa chỉ: số nhà X ngõ Y đường N, phường N, quận Long Biên, Hà Nội.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1974

HKTT: thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ nơi ở: số nhà A, ngách B/Y, đường Z, phường N, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

(Có mặt bà Trịnh Thị Thu Th1, vắng mặt ông Lê Văn T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/12/2020 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn là bà Trịnh Thị Thu Th1 trình bày: Chị và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 17/9/1999 tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

về mọi mặt trong cuộc sống. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân, tuy ở chung một nhà nhưng không duy trì quan hệ vợ chồng, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, việc tiếp tục kéo dài thời gian chung sống không đem lại hạnh phúc, nên bà Th1 có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Lê Thị Thu Th12, sinh ngày 20/02/2000 và Lê Văn H, sinh ngày 31/5/2004. Trường hợp Tòa xử cho ly hôn, bà Th1 xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Th1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn T trình bày: đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện việc lấy lời khai của Bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại buổi lấy lời khai, ông T xác nhận đã được bà Th1 thông báo về việc gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, quan điểm của ông T không phản đối việc bà Th1 xin ly hôn, bà Th1 đơn phương nộp đơn ly hôn thì để chị ấy tự giải quyết, anh từ chối đến Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: ông T xác nhận có hai con chung như bà Th1 đã trình bày, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th1 thì đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Th1, ông T không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà Trịnh Thị Thu Th1 giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự: chấp hành nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa Bị đơn không chấp hành, vắng mặt 2 lần không lý do, đề nghị xét xử vắng mặt Bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 51, 56 Khoản 2, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28 Khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTWQH, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thu Th1, cho bà Th1 được ly

hôn với ông Lê Văn T, giao cả hai con chung cho bà Th1 trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận tự nguyện của bà Th1 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản không xem xét; bà Th1 có nghĩa vụ nộp án phí DSST không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn T vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Thu Th1:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn T và bà Trịnh Thị Thu Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 17/9/1999 tại UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (số 123, quyển số 1999), đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các tài liệu Tòa án xác minh được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa ông Lê Văn T và bà Trịnh Thị Thu Th1 có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, tuy ở cùng một nhà nhưng mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Việc ông T không đến Tòa để giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng, thể hiện thái độ không thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th1 và ông T là có thật và đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Th1, cho bà Th1 được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: căn cứ hồ sơ vụ án thì bà Trịnh Thị Thu Th1 và ông Lê Văn T có hai con chung là Lê Thị Thu Th12, sinh ngày 20/02/2000 và Lê Văn H, sinh ngày 31/5/2004. Bà Th1 đề nghị được nuôi cả hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Th1 trong trường hợp chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th1.

Xét chị Lê Thị Thu Th12 đã thành niên, việc ở với ai là do chị tự quyết định, Tòa án không xem xét.

Đối với anh Lê Văn H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc xác minh tại khu dân cư và tham khảo ý kiến anh H thể hiện nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Vì vậy, giao anh H cho bà Th1 trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Văn T do bà Trịnh Thị Thu Th1 không yêu cầu

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Bà Th1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83, 88 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị Thu Th1:

Cho bà Trịnh Thị Thu Th1 được ly hôn với ông Lê Văn T;

2. Về con chung: bà Trịnh Thị Thu Th1 và ông Lê Văn T có hai con chung là chị Lê Thị Thu Th12, năm 2000 và anh Lê Văn H, sinh ngày 31/5/2004. Giao anh Lê Văn H cho bà Trịnh Thị Thu Th1 trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T đến khi bà Th1 có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị Lê Thị Thu Th12 đã thành niên, việc ở với ai do chị tự quyết định.

Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị Thu Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0016880 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Bà Th1 đã nộp đủ án phí.

5. Bà Trịnh Thị Thu Th1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, Hà Nội, để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh